

NĂM THỨ IV

1/31/61

SỐ 5

THÁNG 10
1961

ĐẠI-HỌC

VẤN ĐỀ CÁC NƯỚC THIÊU MỞ MANG

của Giáo-sư VAN OVERMEEREN

với sự cộng tác của trường

ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA HUẾ



Cái nhà	NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Thành-trì chí của Trịnh - hoài - Đức	
Hoa-kiều và Nam-kỳ đầu thế-kỷ thứ 19.	TRẦN-KINH-HÒA
Kinh-thành Huế	BỬU-KẾ
Ngữ-việt ở Quảng-trị	NGUYỄN-BẠT-TỤY



ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

- * Lễ khai-giảng niên-khóa 1961 - 1962 của các trường Đại-Học Huế dưới quyền chủ-tọa của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa
- * Kết-quả của các kỳ thi cuối năm tại các trường Đại-Học Văn-khoa Luật-khoa và Khoa-học Huế



VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Chủ trương biên-tập: TRẦN-VĂN-TOÀN

Asia
D
128
CIS

Thành trì chí của Trịnh hoài Đức

HOA-KIẾU VÀ NAM-KỶ ĐẤU THÈ-KỶ THỨ 19

TRẦN KINH HÒA

Lời nói đầu

Trịnh-hoài-Đức (鄭懷德 1765-1825), dòng dõi danh giá Hoa-Kiểu ở Nam-Kỳ, làm quan với triều Nguyễn Việt-Nam, từng đảm nhiệm qua các chức trọng yếu trong các ngành nội-chánh, ngoại-giao, văn-giáo và quân-chánh, rất được vua Thê-Tổ (tức vua Gia-Long) và Thánh-Tổ (tức vua Minh-Mạng) triều Nguyễn tin dùng. Hối đấu thê-kỷ 19, trên miếu đường triều Nguyễn, một Hoa-Kiểu chiếm được một địa-vị cao sang như thê, Hoa-nhơn có thể lấy đó làm tự-hào.

Trịnh-công là người cẩn-thận, phong-dộ nghiêm-chính, học văn uyên bác và giỏi văn hay thơ; trong những sách ông trước tác có bộ Gia-định Thông-chí được nổi tiếng nhất; sách ấy ghi rõ dinh thự, cương-vực, phong-tục, thổ-sản và thành trì của các trấn Nam-kỳ, lại luôn luôn đề ý ghi chép sự duyên-cách của các triều-dại và những sự-tích Hoa-Kiểu. Nghe nói, từ triều Minh-Mạng (1820-1841) trở về sau, những quan-lại bỏ nhiệm các chức vị trọng yếu tại Nam-kỳ, đều có đọc sách ấy trước khi đi đến nhiệm sở. Trên sự thực thì khi Nguyễn-đình soạn các bộ sách Đại-nam-Thực-lục (Tiền-biên, Chính-biên đệ nhất kỷ và đệ nhị kỷ), Đại-nam-liệt-truyện (Tiền biên, chính biên sơ-tập) và Đại-nam-Nhật-thông-chí đều lấy sách ấy làm điển-cứ trọng-yếu; khá thầy sách ấy có thể làm sứ-

liệu quý nhất cho học-giả muốn nghiên-cứu lịch-sử và địa-lý xứ Nam-kỳ. Vì lẽ ấy cho nên từ năm 1863 đã có ông G. Aubaret đem sách ấy dịch ra tiếng Pháp và cho xuất bản tại Paris. Sau đó, các học-giả trong ngoài muốn dẫn dụng Gia-Định-Thông-chí, phần nhiều căn cứ theo bản dịch chữ Pháp. Nhưng thời ấy, nước Pháp mới đặt chân trên đất Việt-Nam, học-giới dỗi với sự hiểu biết Việt-Nam còn đương nông cạn, cho nên bản dịch của G. Aubaret không khỏi còn nhiều sai lầm; đếu đáng tiếc nhất là Aubaret chưa dịch Thành-trì-chí, khiến chúng ta không có cách gì biết được toàn-diện bản sách ấy. Thành-trì-chí chẳng những thuật rõ thành ao, dinh thự, kho tàng, chùa miếu, phố chợ, cầu đường của các trấn Nam-kỳ khoảng thê-kỷ 18, 19, và lại chỗ nào cũng đề cập sự-tích Hoa-Kiểu, thực là một bản sách mà trong việc nghiên-cứu Nguyễn-triều-sử và Nam-kỳ-Hoa-kiểu-sử không thể thiếu được. Chúng tôi vì thấy rõ chỗ đó, nay nhờ trên mặt báo này, trước hết đem lý-lịch của Trịnh-hoài-Đức, niên-dại soạn Gia-Định-thông-chí và cách chia quyển của bản ấy, giới thiệu với độc-giả; rồi sau căn-cứ theo bản sao của ông Henri Maspéro (Bản này hiện thu tàng tại Société Asiatique de Paris) đem toàn văn Thành-trì-chí trích sau và chú-thích thêm, mong các bạn đồng-đạo giúp công phủ-chính.

Lược thuật lý-lịch của Trịnh-hoài-Đức

Trịnh-hoài-Đức có tên khác gọi là An (安), tên tự Chi-sơn (止山), hiệu Cẩn-trai (艮齋); ông bà trước gốc người huyện Trường-lạc, tại Phúc-Châu, nôi đời làm quan. Đâu đời nhà Thanh, ông nội là Trịnh-Hội (hiệu Sư-Không) giữ nguyên đầu tóc (không chịu gióc bìn theo lệnh của nhà Thanh) di cư qua Việt-Nam, lưu ngụ tỉnh Trần-biên (tức Biên-hòa ngày nay). Cha là Trịnh-Khánh, từ bé chăm học, viết chữ lớn rất tốt, và nổi tiếng cao cò. Đời vua Thê-tôn triều Nguyễn (tức Vũ-vương Nguyễn-phúc-Khoát 1738-65), Trịnh-Khánh nhờ nạp quyển được làm chức Cai-châu tại An-trường, sau đời ra ba trường Quy-nhơn, Quy-hóa và Bã-canh.

Lúc Trịnh-Khánh mất, Hoài-Đức mới 10 tuổi mà rất bền chí hiểu học. Thời ấy gặp loạn Tây-sơn, toàn cõi Việt-Nam rối loạn, Hoài-Đức bền theo mẹ dời vào ở Phiên-trần (tức Gia-định, phía bắc Sài-gòn ngày

nay) và vâng theo lời mẹ, theo học với Xứ-sĩ Vũ-trường-Toàn tiên-sinh (1).

Năm mậu-thân 1788, lúc Nguyễn-phúc-Ánh (tức Nguyễn-triều Thê-tô, Gia-Long đệ) khắc phục Gia-định, Trịnh-hoài-Đức cùng nhóm Lê-quang-Định ra ứng cứu, được cho làm chức Hàn-lâm-viện-Chê-cáo; năm sau (1789), nhiệm chức Điển-tuần sự huyện Tân-bình, coi việc mở-mang vùng tam-giác sông Cửu-long, và xác định chế độ điền thổ, đồng thời lo trừ biện lương hướng cho quân-đội chúa Nguyễn; ông lại đổi qua bộ Hình tham dự việc xét nghi hình luật văn án; kế nhiệm chức Thị-giảng Đông-cung (tức con trưởng vua Gia-Long, Hoàng-tử Cảnh, sau truy tôn Anh-duệ Hoàng-thái-tử), và phụ-tá Đông-cung tọa trấn Diên-Khánh và Phú-yên. Năm 1794 ra nhiệm chức Ký-lục dinh Trần-định (tức Mỹ-tho ngày nay); và mùa hạ năm 1801, quân Nguyễn-chúa thấu phục kinh-đô Phú-xuân (tức Huế ngày nay), Lê-văn-Duyệt và Tống-việt-Phúc đốc quân qua cứu thành Quy-nhơn, Hoài-Đức nhiệm-chức Hộ-bộ tham-tri, chuyên trách lo binh lương tiếp tế.

Năm 1802 (Gia-Long nguyên-niên) vua Thê-tô thông nhất Việt-Nam ba kỳ, tháng 5 năm ấy, Hoài-Đức được thăng nhiệm Hộ-bộ Thượng-thư, sung làm Như Thanh Chánh-sứ, đem quốc-thư, công vật và sách ăn của Tây-son qua Quảng-đông; đồng thời áp giải bọn Đông-hải-vương Mạc-quan-Phù, Thông-binh Lương-văn-Canh và Phan-văn-Tài, tức bọn giặc biển người Tàu từng nhiệm chức trong quân-đội Tây-son, dẫn độ giao cho Quảng-đông Tuấn-vũ. Tháng 4 năm sau (1803), Hoài-Đức do Quảng-đông khởi trình, qua tháng 8 đến Nhiệt-hà yết kiến Thanh Nhơn-tôn, xin sách phong cho chúa Nguyễn; trong tháng ấy, ông cùng với Tích-phong-sứ của Thanh-định là Quảng-tây Án-sát-sứ Trai-bò-Sum trở về Nam, do trần

(1) Sách Đại-nam-nhật-thông-chí, mục Gia-định-tỉnh nhơn-vật chép rằng: Vũ-trường-Toàn người Bình-dương, thông minh hiểu học, tinh thông kinh sử, gặp thời Tây son loạn lạc không ra làm quan, ở nhà lập trường dạy học trò, môn-đệ như các ông Ngô-tòng-Châu, Trịnh-hoài-Đức phần nhiều đều làm danh-thần. Lúc vua Thê-tô-Cao-hoàng-đệ đóng quán tại Gia-định, nghe tiếng, rất khẹn ngợi, nhưng không muốn lấy quan chức khuất kẻ danh hiển, để cho thỏa chí cao thượng. Khi ông mất, vua sắc cho hiệu là Gia-định xứ-sĩ, Sùng-đức tiên-sinh, biểu khắc vào mộ chí. Năm Tự-Đức thứ V (1852), lại dựng nhà bia để biểu dương đức nghiệp của Tiên-sinh.

Nam-quan về đền Thăng-long (tức Hà-nội); mùa xuân năm sau (1804), Hoài-Đức lấy tư cách Thông-dịch-sứ tham dự lễ tuyên-phong, kê hộ giá vua Gia-Long về Huế, lại nhiệm chức Thượng-thư bộ Hộ như trước.

Năm 1805 (Gia-Long năm thứ 4), tháng 2, Nguyễn-đình phái Chương Trung-quân Nguyễn văn Trương làm Gia-định Lưu-trần, khiến Hoài-Đức làm Hiệp-Lưu-trần. Năm 1808 (Gia-Long thứ 7), tháng giêng, Gia-định trần đổi làm Gia-định thành; tháng 9 năm ấy mới đặt chức Gia-định thành Tổng-trần, Thê-tô triệu Nguyễn văn Trương về kinh, sai Nguyễn-văn Nhân làm Gia-định Tổng trần, lại phái Hoài-đức làm Hiệp Tổng-trần.

Năm 1812 (Gia-Long thứ 11), tháng 7, Nguyễn-đình rút Hoài-đức về kinh, cải nhiệm Lê bộ Thượng-thư, kiêm quản Khâm-thiên-giám; năm sau (1813) cải lãnh Lại-bộ Thượng-thư. Năm 1816 (Gia-Long thứ 15), tháng giêng, Nguyễn hoàng Đức nhiệm Gia-định Tổng-trần, tháng 11 năm ấy, Thê-tô cho rằng Gia-định là một thành lớn phương Nam, lại có việc giao-thiệp với lân bang rất hệ trọng, cần phải có người giỏi trần nhiệm mới được, bèn phái Lại-bộ Thượng-thư Trịnh hoài Đức nhiệm chức Gia-định hiệp Tổng-trần một lần nữa. Năm 1819 (Gia-Long thứ 18) tháng 9, Nguyễn hoàng Đức mất, Nguyễn-đình lại phái chương Hữu quân Nguyễn văn Nhơn làm Gia-Định thành Tổng trần, khiến Hoài-Đức vẫn lãnh Hiệp-Tổng trần đệ phụ tá Nguyễn văn Nhơn.

Cũng trong năm ấy, (1819) tháng 12, vua Thê-tô mất, Hoàng tử thứ 4 là Phúc Hiệu nối ngôi, đổi niên hiệu làm Minh Mạng, tức Nguyễn Thánh tổ. Đầu Minh Mạng nguyên niên (1820), Gia-Định tổng trần Nguyễn văn Nhơn về kinh tiền yết, Hoài-Đức tạm lãnh chức vụ Tổng trần; đến tháng 6 năm ấy Thánh tổ triệu về kinh, lại lãnh việc bộ Lại.

Lòng yêu quý và tin dùng của vua Minh-Mạng đối với Trịnh hoài Đức, còn quá hơn Phụ-Hoàng. Hoài-Đức trở nên Nguyên-lão của Nguyễn triều và làm Cò vắn tòi trọng yếu cho vua Minh Mạng. Trên sự thực, mỗi lúc Nguyễn-đình có chính-sự quan yếu, đều có sự tham gia của Trịnh hoài Đức. Năm 1821 (Minh mạng nhị niên), tháng 8, vua Minh-Mạng thăng cho Hoài-Đức hàm Hiệp-biện Đại học sĩ, nhưng lãnh Lại-bộ Thượng-thư kiêm Binh-bộ Thượng-thư. Cũng trong năm ấy, tháng 9, Hoài-Đức hộ giá vua Minh-mạng đi Bắc tuần các tỉnh Quảng-bình, Nghệ-an, Thanh-Hóa, tháng 10 đến Bắc thành (Thăng Long). Tháng 12, Thanh-định sai Quảng-tây Án-sát-sứ

Phan-cung Thời làm Sách-phong-sứ qua Việt Nam, ngày giáp ngọ 19, trong tháng ấy cử hành lễ sách-phong, Hoài Đức và Bắc thành Tổng-trần là Lê Chất đều sung chức Thị-vệ Đại-thần, tham dự điển lễ; xong việc, Hoài Đức lại theo vua Minh-Mạng trở về nam, đến tháng giêng năm 1822 (Minh Mạng thứ 3) về đền Huế. Tháng 3 năm ấy Hoài Đức sung Chánh-Chủ khảo trường thi Hội; tháng 9, tiền một bộ Lịch-dại-kỳ-nguyên và bộ Khương-tễ-lục lên vua Minh-Mạng; tháng 11, Minh-Mạng lại khiến kiêm lãnh Lễ bộ Thượng-thư.

Tháng 7 năm 1823 (Minh-Mạng tứ niên), Hoài Đức nhân khó nhọc quá độ sinh bệnh, bèn dâng biểu cầu xin do đường biển trở về gia-quán tại Gia-định, cho được thỏa nguyện « chôn chẹt quay đầu về núi », và nói rằng hiện vợ chết còn chưa chôn, con đang ở nhà chịu tang, không có người thị dưỡng. Vua Minh-Mạng khiến Phạm đăng Hưng đem dụ-chỉ yên ủi và lưu lại. Dụ rằng :

« Xem lời trần tâu của Khanh, khiến người phải mũi lòng roi lụy. Từ ngày Khanh tiền chức Hiệp biện Đại-học-sĩ đến nay, quốc vụ quân cơ, tán trợ rất là nhiều đặc lực; trăm đường đề ý cậy nương, sẵn lòng yêu dẫu; Khanh là người trung thành sáng suốt, há lại không tin lòng trăm, mà vội nói việc bỏ đi. Như nói vì tình vợ việc nhà, thì ở đời ai lại không thiết nghĩa keo sơn, nhưng gặp lúc tình thế « vô khả nãi hà », thì cũng đòi xử làm sao cho hợp lẽ là được. Vả lại trong lúc khí suy bệnh nặng, tình dưỡng rất cần, ta cho phép Khanh nghỉ việc bộ một thời-gian, để an tâm điều trị, thuốc men thích đáng, chắc người lành trời giúp, khó gì không tạt khứ bệnh trừ; há tất phải tính việc vượt biển băng vôi, khiến người phải vì khanh e ngại. Nếu nghĩ rằng khí hậu trong Nam ấm áp, có thể chữa chứng hàn thấp chóng khỏi, thì cũng phải chờ cho bệnh bớt người mạnh, rồi xin nghỉ về thăm nhà, đường bộ thênh thênh, há chẳng tốt hơn hay sao? Dấu như lời Khanh nói: « sương gió không chừng, lòng chỉ nguyện quay đầu về núi cũ » Khanh là một bậc đại-thần của nước, há vì một cơ mọn ấy mà không được toại nguyện hay sao? điều ấy lại khiến người không hiểu vậy. Nói tóm lại, Khanh hãy an tâm tĩnh dưỡng, sao cho khí vượng thần cường, chẳng nên lầy việc mọn bận lòng, chính phải biết gìn vàng giữ ngọc; rồi đây tuổi trời thêm thọ, bình phục khang cường, cho-thỏa lòng trong mong của trăm (trích lục Đại-Nam Thực-lục chính-biên, đệ nhị kỷ, quyển thứ 22).

Rối khiến ông tạm nghỉ việc bộ Lại và bộ Lễ, để chuyên tâm tĩnh dưỡng, và ban cấp cho nhơn-sâm nhục què. Vua Minh-Mạng lại nhận thầy Hoài Đức làm quan rất liêm khiết, đến lúc ấy mà chưa có nhà riêng, bèn cho 2.000 quan tiền và sãng gỗ ngói gạch đề làm nhà ở. Hoài Đức vắng mạng, cắt một số nhà hiệu Quý viên, ở ngoài cửa đông thành Huế để dưỡng bệnh.

Tháng 9 năm ấy (1823), Hoài Đức khỏi bệnh, dâng biểu tạ ơn, trở lại lãnh chức Thượng-thư bộ Lại và bộ Lễ. Nhưng mới được hơn mười ngày, lại dâng biểu xin nghỉ 3 tháng về thăm nhà, vua Minh Mạng buộc lòng phải y cho. Lúc ấy vua quay bảo thị-thần rằng: « Các đứng nhơn-quân đời xưa, gặp lúc thần hạ bắt đắc ý cáo xin về hưu, cũng có xuống lời dụ ôn tồn để an ủi, nhưng chỉ lời văn nói khéo bề ngoài vậy thôi. Còn như trăm với Hoài Đức, trọng lễ hậu đãi, đau ốm thì hết lòng xót thương; thành thực trải lòng, chẳng chút mây may giả dối; điều đó các Khanh đều biết như thế. Vì Hoài Đức là bậc huân-cựu-đại-thần, trăm rất tin cậy; như nay bệnh cũ đã khỏi, khá nên vì nước chia lo, triển tài năng để sửa chữa cho ta trong mọi việc ta còn thiếu sót v.v... » (Thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển thứ 23). Vua lại khiến Văn thư phòng lấy tờ dụ-chỉ ủy lưu Hoài Đức ngày trước, tuyên đọc cho bầy tôi nghe. Hoài Đức cũng thăm cảm ơn dài ngộ đặc-biệt của vua Minh-Mạng; khoảng tháng 10 năm ấy (1823), về Gia-Định liệu việc nhà; qua năm sau, Minh Mạng ngũ niên (1824), tháng 3, trở ra kinh, lại lãnh Lại bộ Thượng-thư kiêm quản Lễ bộ sự vụ. Tháng 7 nhuận năm ấy, vua Minh-mạng khiến biên sửa Nguyễn triều Ngọc-diệp và Tôn-phá, Hoài-Đức sung chức Tổng tài để điều khiển công việc. Tháng 11, bản Ngọc-diệp sửa xong, do Tổng-tài Hoài Đức thượng tiền; cũng trong tháng ấy Hoài Đức lại vắng mạng quyền lãnh công-việc ty Thương-bạc. Nhưng chẳng bao lâu, bệnh cũ trở lại, qua tháng 3 Minh-Mạng năm thứ 6 (1825), ông yên giấc cuối cùng tại Quý-viên, hưởng thọ 61 tuổi. Vua Minh-Mạng nghe tang, rất lầy làm thương xót. Thực lục Chính-biên đệ-nhị kỷ, mục tháng 3 năm ấy chép rằng :

« Vua thương tiếc vô cùng, bảo thị thần rằng: « Hoài Đức tính người thuần hậu thành thực, có công khó lâu ngày; buổi đầu Trung-hưng, rất được Tiên đế chú ý giãi dụng; khi đi sứ Thanh-quốc, khi vào hiệp trấn Gia định, đều được thành công rực rỡ, nổi tiếng tuấn lương. Từ ngày

ta nòi ngôi đền nay, vốn biết ông là người trung hiền, cất lên làm chức lớn, thường cũng bàn chính sự, ông có nhiều ý kiến rất hay. Văn tướng dãi ngộ lâu dài, gìn giữ mãi ngôi cao lộc cả, chẳng ngờ năm ngoài thình lình ông mắc bệnh nặng, ta tức khắc sai Ngự y điều trị; hôm trước, bệnh thêm nặng, ta khiến Thị-vệ lập tức đem sâm quẻ thuốc ngự-dụng ban cho, nhưng thuốc thang đã không cứu kịp, ông đã bỗng chốc lia trần, nghe tin rưng rưng roi lụy. Vua bèn tặng phong cho ông hàm Thái-bảo, Cán chánh điện Đại-học-sĩ, (trật chánh-nhật-phẩm), đặt tên thụy là Văn khác, và cho gắm đồ, gắm Tông mỗi thứ 4 cây, số sa nhiều đoạn mỗi thứ 4 cây, nhiều lụa 11 cây, tiền 2.500 quan, gạo 500 vuông, dầu 3.000 cân, bãi triều 3 ngày, khiến quan đền tề; ngày an táng, khiến Hoàng-tử Miên Hoàng đền nhà thay mặt vua ban ngự tấu, lại phái 400 lính Thấn-sách hộ tông đền bên sông Hương, cấp 2 tên Mộ phu để canh giữ mộ mã ».

Cách đời dãi long-trọng như thế, thực ít thấy trên lịch sử triều Nguyễn, dù thầy giữa Thánh tổ với Hoài Đức tình-cảm vua tôi gần bó như thế nào,

Hoài-Đức có hai người con, một người tên Như làm đền Lang-trung thì mất, một người tên Cẩn làm Công-Chúa làm Phò mã Nguyễn triều, chức quan đền Đô úy (1).

II. Niên-đại soạn thành bộ Gia-định-thông-chí

Trong những tác-phẩm của Trịnh-hoài-Đức, trừ bộ Gia-định-thông-chí, Lịch-đại-kỷ-niên, Khương-tê-lục vừa thuật ở trên; ngoài ra còn có

(1) Về sự tích Trịnh hoài Đức xin xem Đại-nam Thực-lục-chính-biên đệ nhất, đệ nhị kỷ, và Đại nam Liệt truyện chính biên sơ-tập, quyển thứ 11, Trịnh-hoài Đức truyện. Sau khi Trịnh-hoài-Đức mất, Hoa-Kiểu Nam kỳ tưởng niệm công đức, thờ ông tại miếu Hội đồng Saigon; và con cháu ông đến năm 1866 còn có ở Saigon. Xin xem Notes historiques sur Cholon, Extrême-Asie, Revue indochinoise No 23, mai 1928, P.585 của G. Bouchot. Lại cứ theo Đại-nam-nhật-thông-chí (soạn năm Tự Đức thứ 35, 1882), mục Gia-định tỉnh nhơn-vật chép rằng: Trịnh-hoài-Đức người Minh-hương thuộc huyện Bình-dương, tỉnh Gia-định (tức Phiên-an-trần); sau khi mất, năm Tự Đức thứ 3 (1850) được liệt tự vào Trưng-hưng Công-thần-miếu.

Bác-sứ thi-tập, Gia-định-Tam-gia-thi-tập, Cẩn-trai thi-tập và Minh-Bột-Di-ngự-văn-thảo-thư. Tự trung, Lịch-đại-kỷ-niên và Khương-tê-tập đã thất truyền từ lâu; Bác-sứ-thi-tập là tập thơ do ông soạn lúc đi sứ nhà Thanh, khoảng năm đầu, năm thứ 2 và niên-hiệu Gia-Long (1802-1803); Gia-định Tam-gia-thi-tập là tập thơ xướng họa của 3 ông Lê-quang-Định, Ngô-nhơn-Tĩnh (1) và Trịnh-hoài-Đức, tiếc nay đều thất lạc, không biết nội-dung thế nào. Minh-bột-Di-ngự-văn-thảo-thư hình như là văn-tập của Hà-Tiên Đò-độc Mạc-thiên-Tứ chép rằng: khoảng niên-hiệu Gia-Long, lúc Hoài-Đức làm Hiệp-trần Gia-định, có mua được 1 tập Minh-bột-Di-ngự-bản, Hà-tiên thập vịnh, cho ăn bản lưu hành; nhưng không biết hai bản sách ấy có liên quan với nhau không, nay không có sứ-văn để chứng

(1) Đại-nam-liệt-truyện chính biên tập đầu, quyển thứ 11, truyện Ngô-nhơn-Tĩnh chép rằng: Ngô-nhơn-Tĩnh, tên tự Nhữ-son, tổ tiên người Quảng-đông, khoảng cuối đời nhà Minh đi qua Việt-nam, cư-ngụ tỉnh Gia-định. Nhơn-Tĩnh từ bé có tài học, hay thơ, bắt đầu vào làm quan với Nguyễn-vương Phúc-Anh (tức vua Gia-Long), làm chức Hàn-lâm-viện-Thị-học; năm 1798 nhiệm chức Binh-bộ Hữu-Tham-tri, mang quốc thư đi theo thuyền buôn qua Quảng-đông thăm hỏi tin tức Lê-Mãn-Đề (tức Lê-duy-Kỳ, năm 1789 bị Tây-sơn Nguyễn-Huệ đuổi, chạy qua nương nhờ Trung-quốc, năm 1793 mất tại Bắc-kinh). Năm 1800, lúc vua Gia-Long vào cứu viện thành Quy-nhơn, Nhơn-Tĩnh và Nguyễn-kỳ-Kê chia giữ việc binh-lương và nhậm việc Công-đường tỉnh Phú-yên để thâu tiền lúa sung làm quân-nhu. Gia-Long nguyên-niên (1802) sung làm Phó-sứ, cùng với Trịnh-hoài-Đức đi sứ nhà Thanh cầu phong tước. Năm thứ 6 (1807), làm Chánh-sứ đem sắc ân vua Gia-Long sang thành Lovek phong cho Cao-miên quốc-vương Neak Chan. Năm thứ 10 (1811), nhiệm chức Hiệp-trần Nghệ-an, vì dân-gian đau-khò, xin Nguyễn-đình hoãn việc trưng binh làm phước cho dân; lại khiến Đốc-học Bùi dương-Lịch chép Nghệ-an-phong-thổ-ký. Năm thứ 11, tiền nhiệm Công bộ Thượng thư; cũng trong năm ấy, Trịnh hoài Đức đổi về Thuận-hóa, ông ra nhiệm-chức Gia-định-Hiệp-Tổng-Trần. Năm thứ 12 (1813), vua Cao miên Neak Chan xung đột với em trai, bèn chạy qua nương nhờ tỉnh Gia-định; Nhơn-Tĩnh vâng mạng vua Gia-Long, cùng với Tổng-trần Lê-vân-Duyệt hộ tống Neak Chan trở về nước, lại lên ngôi vua tại thành La-bích. Nhơn-Tĩnh tỉnh phóng khoáng ngay thẳng, không khéo ở với quan trên, nên Gia-Long năm thứ 14 (1815), bị lời gièm pha; may nhờ vua Gia Long tin nhiệm ury dãi, ra sức che chở; mùa đông năm ấy, ông đau rồi qua đời. Nhơn-Tĩnh thích văn-học, hay ngâm vịnh, từng xướng họa với Trịnh-hoài-Đức và Lê-quang-Định, tập thành Gia-định-Tam-gia-thi-tập; riêng ông có cho ra đời Nhữ-son-thi tập.

thực (1). Đền ngày nay những trước-tác của ông còn lưu lại, chỉ có tập Càn-trai-thơ-tập và Gia-định-Thông-chí mà thôi.

Càn-trai-thơ-tập là tập thơ riêng của Hoài-Đức, Tân-Thư-Viện và Tự-Khuê thư-viện trong hoàng-cung Huế đều có trữ một bản (2). Còn Học-viện Viễn-đông Bắc-cô Hà-Nội cũng có tàng-trữ 3 bản sao sò hiệu sắp trong kệ sách: A780, A1392 và A3193. (3)

Còn bộ Gia-định thông-chí, lưu-hành tương-dôi rộng hơn; hiếm vì truyền sao trong khoảng hơn 100 năm nay, nội dung và cách xếp thành từng quyển, đều thầy sai lạc; vì thế bản sao hiện còn ngày nay so với nguyên-bản khác nhau rất xa. Cứ theo thiên kiến, trừ những bản của tư-nhân sưu tàng không kể, truyền-bản sách này hiện thầy tại các Thư-kho công gia có mấy bản như sau:

1) Tân Học Viện trong Hoàng cung Huế, số 150, Gia-định-thông-chí 1 bộ 2 bản.

2) Học-Viện Viễn-Đông Bắc-cô (Ecole Française d'Extrême-Orient) (4).

A1107 Gia-định-thành-thông-chí	1 bản
A 708 Gia-định-thành-thông-chí	4 bản
A 94 Gia-định-thành-thông-chí	2 bản
A 1561 Gia-định-thành-thông-chí	1 pho (chia

(1) Tên « Minh-bột » thầy trong Gia-định-thông-chí, Cương-vực-chí, ở mục Hà-tiên-trần; tên ấy, thời Mạc-thiên-Tứ, chỉ nơi cư-trú của người Tàu (xem phần chú-thích (60) ở mục Thành-tri-chí). Hà-Tiên-thập-vịnh là tập thơ của Mạc-thiên-Tứ (Sĩ Lân) xứng họa với các văn-nhơn Trung, Việt, 2 quyển, cộng thu được 320 bài thơ xuất bản năm 1737; Bảo-Đại-Thư-viện tại Huế, và Hà-nội-Viễn-đông-học-viện đều có trữ một bản. Về việc soạn thành Hà-Tiên-thập-vịnh, xin xem bài « Hà-tiên-trần-Hiệp-trần Mạc-thị-gia-phả chú-thích » của Bút giả đăng trong Văn-sử-triết-học-báo, kỳ thứ 7, trang 93-95.

(2) Matsumoto Nobuhiro, Việt-nam-Vương-thất-sở tàng An nam bản thư-mục, Sử-học quyển 14, số 1. Hoàng cung Huế nguyên có Tự khuê Thư viện và Tân-Thư-Viện; đền ngày Bảo-Đại lên ngôi, 2 viện ấy hợp lại làm Bảo đại thư viện. Xem « Thuận-hóa-nghiên-cứu, Lữ-hành-tạp-ký của Bút-giả, đăng trong Đài-Loan văn hóa, quyển 3, kỳ thứ 5 ».

(3) Matsumoto Nobuhiro, Hà-nội-Phật-quốc-Cực-đông-Học-viện-sở-tàng-An-nam bản-thư-mục, Sử-học quyển 13, số 4; Yamamoto Tatsuro Hà-nội-Phật-quốc-Cực-đông-Học-viện-sở-tàng-An-nam-bản-truy-gia-Mục-lục, Đông dương Học-báo quyển 36, số 2.

(4) Thư mục của 2 ông Matsumoto và Yamamoto đã dẫn ở trên; Yamamoto Tatsuro, An-nam, Địa-chí, Đông-Khánh-Địa-dư-chí-giải-thuyết, trang 9.

làm Tinh-dạ-chí, Sơn-xuyên-chí, Cương-vực-chí, Phong-tục-chí, Vật-sản-chí và Thành-tri-chí).

3) Société Asiatique de Paris (1)

HM2 191—1 Gia-định-thành-thông-chí 1 bản: Quyển I, Tinh-dạ-chí (phụ chiêm thiên khí-hậu 5 tờ). Quyển II, Sơn-xuyên-chí, 62 tờ. Quyển III Phong-tục-chí, 24 tờ.

HM 2191-2 Gia-định-thành-thông-chí 1 bản: Quyển IV, Cương-vực-chí (Phiên-An trần, Biên-hòa trần 58 tờ). Quyển V, Cương-vực-chí (Định-tường-trần, Vinh-thanh-trần, Hà-tiên-trần 70 tờ).

HM 2191— Gia-định-thành thông-chí 1 bản: Quyển IV, Phong-tục-chí (cùng nội dung quyển III ở HM 2191—1, giồng nhau) 15 tờ. Quyển V, Vật-sản-chí, 21 tờ. Quyển VI, Thành-tri-chí, 37 tờ.

Xét Gia-định-thông chí nguyên chỉ có 3 quyển (xem giải rõ đoạn sau) mà truyền-bản hiện còn thì nhiều đến 5 quyển hoặc 6 quyển; mặt khác, giữa các truyền-bản hiện còn, không có dấu vết sửa đổi hoặc bỏ khuyết thêm, sò quyển sò dĩ tăng thêm, hiển nhiên do tay người đời sau. Đồng thời cũng có thể suy tưởng rằng nguyên-nhân đó cùng sò « chí » và ký sự của các « chí » có liên-quan.

Lại xét bản dịch của G. Aubaret được xuất bản cách ngày Hoài-Đức mất chưa quá 40 năm, truyền-bản ông ấy căn-cứ để dịch có thể nêu rõ khuôn-khổ truyền-bản lúc ban đầu; chỉ tiếc lúc Aubaret dịch, tuy đòi với nguyên-văn không hề sửa-đổi mảy may, nhưng đã xáo lộn hoàn toàn thứ-tự ghi « quyển » của nguyên-thư; và vì muốn tiện-lợi cho độc-giả Âu-châu, ông đã thuận theo quyển-thứ do ông tự sắp xếp, mà phân biệt phiên dịch. Nay cứ theo kết quả chúng tôi kiểm xét, nội dung bản dịch của Aubaret sắp xếp 5 « Chí » như sau:

(1) Yamamoto Tatsuro, Ba lê Á tề Á hiệp hội sở tàng An nam bản mục lục; Đông dương văn hóa nghiên cứu sở kỷ yếu, quyển thứ 5 trang 331.

Cương-vực-chí (Phiên-an, Biên-hòa, Định-tường, Vinh-thanh, Hà-tiên) (Aubaret lère partie, chapitre I—III, p.1-67)

Phong-tục-chí (Aubaret lère partie, chapitre IV, p.68—106)

Tinh-dạ-chí (Aubaret: lère partie, chapitre V, p.107—117)

Sơn-xuyên-chí (Aubaret: 2è partie, chapitre I, p. 133—286)

Vật-sản-chí (Aubaret: 2è partie, chapitre II, p. 287—338)

Nhưng trong các truyền-bản hiện còn, như bản của Học-Viện Viễn-Đông (số A1561), và bản của Á-Châu học-hội, thì ngoài 5 « chí » kể trên còn có Thành-tri-chí, dù thầy nguyên-bản Gia-định-thông-chí cộng có tất cả 6 « Chí ». Vậy thì, thứ tự sắp xếp 6 « Chí » ấy trong nguyên-thư như thế nào? Nay xét quyền đệ-nhật và đệ-nhi (HM,2191-1 và 2191-2) của Á-châu-học-hội, biết rằng ký-sự các « Chí » dài ngắn khác nhau, ví dụ Cương-vực-chí dài đến 123 tờ, Sơn-xuyên-chí 62 tờ, Phong-tục-chí 24 tờ và Tinh-dạ-chí chỉ 5 tờ. Thứ nữa, lấy quyền thứ 3 (HM2191) mà nói, quyền này chữ viết nhỏ hơn và dày hơn, cho nên số trang Phong-tục-chí (cũng đồng-văn với Phong-tục-chí ở quyền đệ-nhật) giảm xuống chỉ còn 15 trang; theo đó mà suy, thì Vật-sản-chí (31 trang) ở quyền đệ tam, nếu viết theo khuôn khổ hai quyền-trước, số trang có thể lên đến 34, Thành-tri-chí (37 trang) có thể trên dưới 60 trang. Tình-hình như vậy có thể cho chúng ta suy-luận thứ-tự và cách xếp đặt từng quyền của nguyên bản như sau:

Đệ-nhật-quyền — Tinh-dạ-chí, Sơn-xuyên-chí, Phong-tục-chí.

Đệ-nhi-quyền — Cương-vực-chí.

Đệ tam-quyền — Vật-sản-chí, Thành-tri-chí.

Thứ nữa, thuộc về niên-dại soạn bản sách này, G. Aubaret nhận làm triều-dại Minh-Mạng (1), L. Cadière và P. Pelliot cùng soạn bộ « An-nam sử-liệu sơ-bộ nghiên-cứu », cũng cho rằng vào khoảng đời Minh-Mạng (1820-41) (2). Gần đây giáo-sư Sugimoto và ông Kim-vinh-Kiến đã từng chú-ý

(1) G. Aubaret, Histoire et Description de la Basse Cochinchine, 1863, Paris, Introduction, P.I.

(2) L. Cadière et P. Pelliot, La première étude sur les sources annamites d'histoire d'Annam, BEFEO, t. IV, P.644.

trong bộ này có thầy một đoạn ký-sự chép việc xảy ra trong năm Gia-Long thứ 17 (1818), và ngày qua-đời của Trịnh-hoài-Đức là Minh-Mạng năm thứ 6 (1825), như đó đoán rằng soạn niên của bản-thư là vào khoảng năm 1820 đến 1825. (9) Cứ thiên-kiến, ý-kiến của các nhà trên đây, đều nói phỏng chừng một cách quá trơ-mơ-hố.

Nay xét nội-dung bản-thư, trong hành-văn thỉnh-thoảng có những câu « Thần v.v... », thì biết rằng sách này vâng mạng lệnh của Nguyễn-dinh mà soạn tả. Mặt khác, văn viết trong sách thường thầy xưng vua Gia-Long làm Thê-tô Cao-hoàng-đê (như Sơn-xuyên-chí, mục Phiên-an-trần; Thành-tri-chí, mục Gia-định-thành, mục Phiên-an-trần Thước-tân-phò, và mục Biên-hòa-trần, Quan-đê-miêu.); theo tập quán viết sử Trung-hoa và Việt-nam, tuyệt nhiên không có lệ lấy « tôn hiệu » xưng các đê vương đương triều, do đây biết sách này soạn vào năm đầu triều Minh-Mạng.

Lại xét Đại-nam-thực-lục chánh-biên, đệ-nhi-ký (Quyển III), quả nhiên thầy ở mục tháng 5 năm Canh-thìn, Minh-Mạng nguyên-niên (1820), có chép đoạn ký-sự như dưới đây:

Chiều cầu cò-diễn. Chiều rằng: Trẫm nghĩ, đời trước các đàng đê vương trị vì, đều có sử sách ghi chép việc hành-chánh để lưu truyền đời sau... Đức Hoàng-Khảo Thê-Tô Cao-hoàng-đê dựng nghiệp trung hưng, mở nền bình-trị; thường tưởng nhớ công-đức Tiên-nhơn, muốn cầu một bản Thực-lục; nhưng vì muốn việc chưa rảnh, nên chức sử-quan còn bỏ trống chưa diễn. Trẫm thích xem cò-diễn, nơi chỉ Tiên-nhơn; muốn rộng tìm việc cũ tích xưa, để giao phó cho sử-quan biên chép. Nhưng vì sau cơn binh cách, sách vở vương phủ không còn bao nhiêu; nay chỉ trông cậy vào các tư-gia uân-súc văn chương, hoặc giả còn có biên chép lại. Vậy truyền rao quan dân trong kinh ngoài quận, nhà nào có sách vở ghi chép Tiên-triều cò-diễn, bất câu tường lược, hoặc đưa nguyên bản dâng lên, hoặc cho quan mượn chép lại, đều có khen thưởng.

(9) Sugimoto Naojiro, Kim vĩnh Kiến soạn chung, Ấn độ chí na = bang nhơn, phát triển nghiên cứu, năm 1942, trang 15-16.

Do đây, trong ngoài các nơi đều đem dâng các sách vở đã biên chép được. Thượng-thư Trịnh-hoài-Đức dâng bộ « Gia-định Thông-chí » 3 quyển và « Minh-bột Di-ngự-văn-thảo-thư »; Chiêm-hậu Hoàng-công-Tài dâng 1 bản « Ngọc-phả » bản triều và 2 bản « Kỳ sự »; Cung-văn-Hy người Quảng-đức dâng bộ « Khai-quốc-công-nghiệp-diễn-chí » 7 quyển; Nguyễn-đình-Chánh người Thanh-hóa dâng « Minh-lương-khởi-cáo-lục » 24 điều; Võ-nguyên-Biểu người Quảng-nghĩa dâng « Cờ-sự-biên-lục » 1 quyển. Vua khen ngợi và ban thưởng bạc vàng tùy theo tầm tác-phẩm.

Đoạn sử văn trên đây rõ ràng đã nêu lên soạn-niên của Gia-định thông-chí là Minh-Mạng nguyên niên (1820), và rõ ràng hơn nữa, bản sách này đã dâng vua vâng theo chiếu-chỉ.

Đền như tên bản sách này, ngày nay có người gọi « Gia-định-thành thông-chí », chẳng qua vì có vào khoảng Gia-Long năm thứ 7 (1808), Gia-định-trần đổi tên là Gia-định-thành mà ra. Nhưng cứ theo đoạn văn trích dẫn Thực-lục đệ-nhi-kỷ trên đây, nguyên danh đã là « Gia-định thông-chí » thì cứ thông nhất dùng tên này phải hơn.

Kinh thành Huế

của BỬU - KÊ

Lối kiến-trúc Kinh thành Huế có những điểm giống nhau. Kinh thành, Hoàng thành, hay Tứ cầm thành đều có những lớp thành vây bọc, và chung quanh thành, các hướng đông, tây, nam, bắc đều có trở cửa để ra vào. Những cửa này, có cái lối kiến trúc rất đơn giản, nhưng có cái lại xây đắp tỉ-mỹ, công phu. Hai cánh sơn son thếp vàng, chung quanh thành, dùng những mảnh chai, mảnh sứ nhiều màu sắc, ghép lại thành hình giao cù, rồng phụng, hoa lá, bát bửu có đó. Ngoài nhân gian không bao giờ có lối cửa như thế.

Như trên đã nói, Kinh-thành gồm có ba lớp: Lớp ngoài cả là Kinh thành, giữa là Hoàng thành, trong cả là Tứ cầm thành.

TỨ CẦM THÀNH

Tứ cầm thành có thể nói là chỗ ở riêng của Vua, chu-vi 1.229th36, tiền hậu mỗi mặt 324th, tả hữu mỗi mặt 290th68, bề cao 3th72, và thành dày 0th72. Mặt trên cửa thành bằng phẳng chứ không cắm chông sắt. Ban đêm có lính đi tuần bên ngoài, nếu không quân gian cũng có thể do những cái cây trồng cạnh thành để nhảy vào bên trong được.

Chung quanh Tứ cầm thành có 7 cửa. Cửa quan trọng hơn cả là Đại cung môn, nằm chính giữa hướng Nam, nguy-nga đồ sộ, nên về hướng này chỉ có một cửa mà thôi. Còn các hướng khác, mỗi hướng hai cửa. Mặt bắc: Tường loan và Nghi-phụng. Mặt đông: Hưng khánh và Đông An, Mặt tây: Gia tường và Tây an.

ĐẠI CUNG MÔN

Khởi cửa Ngọ môn, tức là cửa chính của Hoàng thành, chúng ta qua một cái cầu bắc ngang mặt hồ vương rớt đến điện Thái hòa với hai cái sân rộng ở mặt sau và mặt trước. Trên sân mặt sau, có hai phượng môn,